

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Cử nhân

Ngành/chuyên ngành:

Mã số:

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

1.1. Tên học phần: Quản lý nhà nước về văn hóa, giáo dục, y tế

1.2. Mã học phần: SMS0231

1.3. Số tín chỉ: 02

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

+ Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết

+ Bài tập thực hành, thảo luận, hoạt động nhóm: 18 tiết

+ Kiểm tra: 02 tiết

- Thời gian tự học: 60 giờ

1.4. Loại học phần (bắt buộc/lựa chọn): Bắt buộc

1.5. Điều kiện tham gia học phần:

- Học phần tiên quyết:

- Học phần học trước: Không

- Học phần song hành: Không

1.6. Các giảng viên phụ trách HP:

- Giảng viên phụ trách chính:

- Các giảng viên cùng giảng dạy:

2. Mô tả học phần (*vị trí, vai trò của học phần đối với CTĐT, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần*)

Văn hóa – giáo dục – y tế là những bộ phận hữu cơ trong toàn bộ hoạt động của một chế độ xã hội. Trong một chế độ xã hội, nhất là trong điều kiện nền kinh tế thị trường, những lĩnh vực này càng cần được quản lý và định hướng để phục vụ cho mục tiêu phát triển con người, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Học phần bao gồm 3 chương với 3 nội dung: Quản lý nhà nước về văn hóa; Quản lý nhà nước về giáo dục – đào tạo; Quản lý nhà nước về y tế.

3. Mục tiêu học phần (Course Objectives – COs)

(Mục tiêu của học phần, thể hiện sự tương quan với các chủ đề CDR của CTĐT (PLOs) và trình độ năng lực được phân bổ cho học phần)

để CDR của CTĐT

Mục tiêu (COs)	Mô tả mục tiêu học phần	Đáp ứng CDR của CTĐT (PLOs)	Trình độ năng lực
Mục tiêu chung	Học phần Quản lý nhà nước về văn hóa, giáo dục, y tế có mục đích cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa, giáo dục, y tế, làm cơ sở phương pháp luận cho việc tham gia hoạch định và phân tích các chính sách về văn hóa, giáo dục, y tế sau khi tốt nghiệp khóa học và làm việc trong bộ máy nhà nước.	PLO1, PLO5, PLO6, PLO11, PLO12	
Mục tiêu cụ thể			
CO1	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về Quản lý nhà nước về văn hóa, giáo dục, y tế; Nắm được kiến thức chuyên sâu về ngành Quản lý nhà nước về văn hóa, giáo dục, y tế. Vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tế công việc đang đảm nhiệm, đảm bảo hiệu quả và chất lượng công việc, đóng góp vào công tác phát triển kinh tế - xã hội - Nắm được những kiến thức cơ bản về Quản lý nhà nước về văn hóa, giáo dục, y tế, sự cần thiết phải xây dựng Quản lý nhà nước về văn hóa, giáo dục, y tế tại cơ quan, tổ chức ở Việt Nam hiện nay	PLO1	3/6
CO2	- Định hướng sinh viên tiếp cận với thực tiễn Quản lý nhà nước về văn hóa, giáo dục, y tế - Vận dụng những kiến thức đã học, thực hiện xây dựng Quản lý nhà nước về văn hóa, giáo dục, y tế tại cơ quan mình công tác.	PLO5	3/5
CO3	- Có tư duy nhạy bén về các vấn đề liên quan đến tổ chức phi chính phủ - Có khả năng phát hiện vấn đề, dự báo và xử lý các nguy cơ phát sinh trong khi thực hiện các công việc liên quan đến Quản lý nhà nước về văn hóa, giáo dục, y tế trên cơ sở nền tảng kiến thức một cách logic. Hình thành kỹ năng Quản lý nhà nước về văn hóa, giáo dục, y tế cho sinh viên: Làm việc độc lập, am hiểu kiến thức về tổ chức phi chính phủ - Làm việc độc lập, đồng thời có khả năng phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn	PLO6	4/5

CO4	<p>- Hiểu về bản chất của vấn đề một cách logic từ đó có cái nhìn toàn diện và hệ thống các vấn đề, để sống và làm việc tuân thủ theo pháp luật.</p> <p>- Quản lý công việc hiệu quả, phát hiện và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn quản lý hành chính. Khéo léo trong giao tiếp và ứng xử trong mối quan hệ với nhân dân khi thực hiện công vụ liên quan đến tổ chức phi chính phủ. Khéo léo trong giao tiếp và ứng xử trong mối quan hệ với đồng nghiệp trong cơ quan</p> <p>- Thông qua làm việc nhóm, người học có kỹ năng tự nghiên cứu độc lập và tổ chức, phối hợp làm việc nhóm trong tìm kiếm tri thức, thông tin liên quan đến môn học, và tư duy phân tích giải quyết các vấn đề liên quan đến đến văn hóa, giáo dục, y tế</p>	PLO11	4/5
CO5	<p>Qua học phần, sinh viên thấy được ý nghĩa, tầm quan trọng, tác dụng của kiến thức môn học Quản lý nhà nước về văn hóa, giáo dục, y tế trong đời sống, đặc biệt là trong quan hệ xã hội. Từ đó hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học này. Giúp sinh viên tự tin về khả năng phân tích, đánh giá các vấn đề xã hội.</p> <p>Quản lý công việc hiệu quả, phát hiện và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quản lý xã hội trong cơ quan nơi sinh viên công tác</p> <p>- Khơi dậy niềm đam mê của người học với nghiên cứu chiến lược, chính sách và các vấn đề phát triển kinh tế xã hội. Tạo cho người học ý thức được về vị trí và khả năng của đất nước, cũng như khơi dậy truyền thống yêu nước, từ đó giúp người học vun đắp ý trí làm giàu cho bản thân và cho xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước.</p>	PLO12	4/5

Trình độ năng lực được đánh giá theo thang Bloom:

Cấp độ	Đánh giá kiến thức	Đánh giá kỹ năng	Đánh giá năng lực tự chủ và trách nhiệm
6	Sáng tạo (Creating)		
5	Đánh giá (Avaluating)	Bản năng, tự nhiên hóa (Naturalization)	Hình thành tính cách (Characterization, characterization by value set)
4	Phân tích (Analyzing) thấu hiểu cả nội dung và hình thái cấu trúc của tài liệu.	Thành thạo (Articulation)	Tổ chức các giá trị thành hệ thống (Organization)
3	Vận dụng (Upplying)	Làm chuẩn xác (Precision)	Hình thành giá trị (Valuing)
2	Hiểu (Understanding)	Thao tác (Manipulation)	Hồi đáp (Responding)
1	Nhớ (Remembering)	Bắt chước (Imitation)	Tiếp thu (Receiving)
	<i>Bloom Benjaming (1946) → Anderson Lorin và cs (1996, 2001)</i>	Bloom (1970) → Simpson (1972) → Dave (1974)	<i>Krathwohl D.R, Bloom B.S., Masia B.B (1973)</i>

**Ghi chú: Điểm mức độ năng lực yêu cầu theo thang đo năng lực Bloom: Kiến thức (1→6), Kỹ năng (1→5), Năng lực tự chủ và trách nhiệm (1→5)*

4. **Chuẩn đầu ra học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)**

Bảng 1. Chuẩn đầu ra học phần Quản lý nhà nước về văn hóa, giáo dục, y tế ngành Quản lý nhà nước

PLOs Quản lý nhà nước phân nhiệm cho HP Quản lý nhà nước về văn hóa, giáo dục, y tế			CLOs 1.1. Quản lý nhà nước về văn hóa, giáo dục, y tế				
Ký hiệu	Mô tả	Trình độ năng lực	Ký hiệu	Mô tả	Mức độ giảng dạy (I,T,U)	Trình độ năng lực	Chương HP đảm nhận
PLO1 (1.1.1)	Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, pháp luật để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.	3/6	CLO 1 [1.1.1.1]	Trình bày khái niệm và chức năng, vai trò, phương hướng phát triển văn hóa, giáo dục, y tế. Áp dụng của Quản lý nhà nước về văn hóa, giáo dục, y tế, cũng như nghiên cứu sự hình thành, phân loại văn hóa, giáo dục, y tế trong Quản lý nhà nước về văn hóa, giáo dục, y tế Nêu được đối tượng, yêu cầu và nội dung hoạt động của Quản lý nhà nước tổ chức phi chính phủ	I, T	3/6	Chương 1, chương 2
			CLO 2 [1.1.1.2]	Hiểu và vận dụng được bản chất của của Quản lý nhà nước về văn hóa, giáo dục, y tế và hệ thống quản lý và phát triển kinh tế, xã hội trong tổ chức	I, T	3/6	Chương 2, chương 3

PLOs Quản lý nhà nước phân nhiệm cho HP Quản lý nhà nước về văn hóa, giáo dục, y tế			CLOs 1.1. Quản lý nhà nước về văn hóa, giáo dục, y tế				
				hành chính nhà nước, mục đích và đối tượng môn học, các hình quản lý và các yếu tố tác động đến con người; Các vấn đề cơ bản của hệ thống Quản lý nhà nước về văn hóa, giáo dục, y tế			
PLO5 (2.1.1)	Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm	3/5	CLO 3 [2.1.1.1]	Thực hiện làm việc, học tập, bàn luận, tranh luận một cách độc lập hoặc theo nhóm;	T, U	3/5	Chương 1, Chương 2, Chương 3,
			CLO 4 [2.1.1.2.]	Tổ chức và điều hành có hiệu quả trong làm việc nhóm.	T, U	3/5	
PLO6 (2.1.2)	Áp dụng được các kiến thức cơ bản về máy tính và internet, tin học văn phòng để phục vụ học tập, nghiên cứu tiếp thu kiến thức chuyên môn. Đạt Chứng chỉ tin học IC3 (Digital Literacy Certification) hoặc các chứng chỉ có giá trị quy đổi tương đương.	4/5	CLO5 [2.1.2.1]	Hiểu và vận dụng được các kiến thức về CNTT để nghiên cứu hệ thống cơ bản về Quản lý nhà nước về văn hóa, giáo dục, y tế... Thông qua các phương pháp nghiên cứu sinh viên biết cách thiết kế nghiên cứu một đề tài Quản lý nhà nước về văn hóa, giáo dục, y tế	I, T	4/5	Chương 1, Chương 2, Chương 3,
			CLO6 [2.1.2.2]	Đánh giá được cơ cấu, bản chất của hệ thống Quản lý nhà nước về văn	T,U	4/5	

PLOs Quản lý nhà nước phân nhiệm cho HP Quản lý nhà nước về văn hóa, giáo dục, y tế			CLOs 1.1. Quản lý nhà nước về văn hóa, giáo dục, y tế				
				hóa, giáo dục, y tế			
PLO11 (3.1)	Tự quyết định, tự chịu trách nhiệm, tự thích nghi với môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.	'4/5	CLO7 [3.1.1]	Quyết định được các phương pháp điều tra và thu thập thông tin trong Quản lý nhà nước về văn hóa, giáo dục, y tế	<i>I, T</i>	4/5	Chương 1, Chương 2, Chương 3
			CLO8 [3.1.2]	Tham mưu cho lãnh đạo trong lĩnh vực môi trường của đời sống xã hội; nghiên cứu cơ chế tác động, nghiên cứu vị thế, vai trò của những cá nhân, những thể chế trong quan hệ với quyền lực, để quản lý giải quyết những vấn đề trong thực tiễn hoạt động quản lý nhà nước	<i>T, U</i>	4/5	
PLO12 (3.2)	Có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp; có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và ý thức tổ chức kỷ luật.	4/5	CLO9 [3.2.1]	Làm việc có trách nhiệm, tham mưu, tư vấn được các đối tượng, các vấn đề phù hợp đáp ứng được những yêu cầu về quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật			Chương 1, Chương 2, Chương 3,
			CLO10 [3.2.2]	Thượng tôn pháp luật, chuyên nghiệp trong giải quyết các vấn đề quản lý chính trị - xã hội			

- **Mức độ giảng dạy:** *I (Introduce):* Giới thiệu; *T (Teach):* dạy; *U (Utilize):* Sử dụng.

- **Ký hiệu CDR:**

1. Nhóm CDR về kiến thức: 1.1 - Kiến thức chung; 1.2 - Kiến thức chuyên ngành;
2. Nhóm CDR về kỹ năng: 2.1 - Kỹ năng chung; 2.2 - Kỹ năng nghề nghiệp;
3. Nhóm CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm: 3.1 - Năng lực tự chủ; 3.2 - Tự chịu trách nhiệm.

Bảng 2. Ma trận đóng góp của các bài giảng của các chương cho việc đạt CDR học phần

PLOs được phân nhiệm	PLO1		PLO5; PLO6				PLO 11, PLO12			
CLOs	Kiến thức nghề nghiệp		Kỹ năng nghề nghiệp				Tự chủ, trách nhiệm			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Bài giảng	[1.1.1.1]	[1.1.1.2]	[2.1.1.1]	[2.1.1.2]	[2.1.2.1]	[2.1.2.2]	[3.1.1]	[3.1.2]	[3.2.1]	[3.2.2]
Chương 1	3/6		3/5	3/5		4/5	4/5	4/5	4/5	4/5
Chương 2	3/6		3/5	3/5		4/5	4/5	4/5	4/5	4/5
Chương 3		3/6	3/5	3/5	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5

5. Đánh giá học phần (các thành phần, các bài đánh giá và tỉ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của học phần)

Bảng 3. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CĐR học phần được đánh giá (CLOs)	Trọng số (tỉ lệ %)	Hình thức đánh giá	Thời điểm đánh giá
A1. Đánh giá quá trình			50		
A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập			20		
Sự chuyên cần	A1.1.1. Tham gia đầy đủ giờ lên lớp lý thuyết và thực hành theo quy định	CLO11 CLO12	10	<i>Điểm danh</i>	Thường xuyên
Thái độ học tập	A1.1.2. Thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp	CLO5	10	<i>Tham gia phát biểu, thảo luận</i>	Thường xuyên
A1.2. Kiểm tra định kỳ			30		
	A1.2.1. Bài kiểm tra 1	CLO1, CLO5, CLO6, CLO11 CLO12	30	Bài kiểm tra tự luận	Cuối chương 3
	A1.2.2. Bài kiểm tra 2			Bài kiểm tra trắc nghiệm	Kết thúc lịch học
A2. Đánh giá cuối kì			50		
	Tự luận	CLO1, CLO5, CLO6, CLO11 CLO12	50	Tự luận	Theo lịch thi của P.QLĐT

Bảng 4. Ma trận tương thích giữa các bài đánh giá với CĐR học phần

CLOs	Kiến thức nghề nghiệp		Kỹ năng nghề nghiệp				Tự chủ, trách nhiệm			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Bài ĐG	[1.1.1.1]	[1.1.1.2]	[2.1.1.1]	[2.1.1.2]	[2.1.2.1]	[2.1.2.2]	[3.1.1]	[3.1.2]	[3.2.1]	[3.2.2]
A1.1			4/5	4/5			4/5	4/5	4/5	4/5
A1.2	3/6	3/6	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5
A2	3/6	3/6	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5	4/5

6.Nội dung và kế hoạch giảng dạy (các nội dung giảng dạy lí thuyết và thực hành thể hiện sự tương quan với các CDR và các bài đánh giá học phần)

Bảng 4. Nội dung và kế hoạch giảng dạy học phần

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Quản lý nhà nước về văn hóa	4/1	CLO1, CLO5, CLO6, CLO11, CLO12	Thuyết trình, trao đổi, thảo luận	Nghe giảng, ghi chép Tự đọc tài liệu chương 1	
1.1	Văn hóa – Động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội					
1.1.1	Khái niệm văn hóa					
1.1.2	Các chức năng của văn hóa					
1.1.3	Vai trò của văn hóa trong phát triển hiện đại					
1.2	Phương hướng phát triển văn hóa nước ta					

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CĐR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
1.2.1	Quan điểm phát triển văn hóa					
1.2.2	Những nhân tố mới tác động tới chuyển động của văn hóa hiện nay					
1.3	Nội dung cơ bản của quản lý nhà nước về văn hóa					
1.3.1	Xác định đối tượng quản lý nhà nước về văn hóa					
1.3.2	Những yêu cầu của quản lý nhà nước về văn hóa					
1.3.3	Nội dung quản lý nhà nước về văn hóa					
1.3.4	Tổ chức bộ máy quản lý văn hóa					
1.3.5	Kiểm tra, giám sát các hoạt động văn hóa thông tin					

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CĐR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
2	Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo	4/1	CLO1, CLO5, CLO6, CLO11, CLO12	Thuyết trình, trao đổi, thảo luận	Nghe giảng, ghi chép Tự đọc tài liệu chương 2	
2.1	Vai trò của giáo dục – đào tạo đối với sự phát triển kinh tế - xã hội					
2.1.1	Khái niệm và phân loại					
2.1.2	Vai trò của giáo dục – đào tạo					
2.2	Hệ thống giáo dục quốc dân nước ta					
2.3	Các nhân tố tác động chủ yếu đến phát triển sự nghiệp giáo dục – đào tạo					
2.3.1	Chính sách nhà nước về giáo dục – đào tạo của mỗi quốc gia					
2.3.2	Hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam					

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CĐR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
2.3.3	Đội ngũ giáo viên, giảng viên, các nhà quản lý giáo dục					
2.3.4	Mức độ đầu tư cho giáo dục – đào tạo					
2.4	Nội dung hoạt động của tổ chức phi chính phủ nước ta					
2.2.3	Quản lý nhà nước về giáo dục – đào tạo					
2.4.1	Khái niệm và vai trò quản lý nhà nước về giáo dục – đào tạo					
2.4.2	Những quan điểm chỉ đạo và phương hướng trong việc tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục – đào tạo					
2.4.3	Những nội dung chủ yếu quản lý nhà nước về giáo dục – đào tạo					
2.5	Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về giáo dục – đào tạo					

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CĐR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
2.6	Một số chỉ tiêu dùng để đánh giá hoạt động giáo dục – đào tạo					
2.6.1	Tỷ lệ biết chữ của người lớn và ngược lại tỷ lệ mù chữ của người lớn					
2.6.2	Tỷ lệ đi học chung các loại					
2.6.3	Tỷ lệ đi học riêng trong độ tuổi					
2.6.4	Số sinh viên trên 10 vạn dân, tính chung và riêng cho nam, nữ					
2.6.5	Số cán bộ khoa học, kỹ thuật nghiên cứu và triển khai trên 10 vạn dân					
2.6.6	Tỷ lệ đầu tư cho giáo dục – đào tạo					
3	Quản lý nhà nước về y tế	4/2	CLO1, CLO5, CLO6, CLO11, CLO12	Thuyết trình, thảo luận, trao đổi, thực hành	Nghe giảng, ghi chép, thảo luận nhóm và trình bày trước lớp	A1.2
3.1	Vai trò của y tế đối với sự phát triển xã hội					

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CĐR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
3.1.1	Khái niệm về y tế và phân loại các hoạt động y tế chăm sóc sức khỏe nhân dân					
3.1.2	Hệ thống y tế chăm sóc sức khỏe nhân dân					
3.1.3	Vai trò của y tế đối với sự phát triển xã hội					
3.2	Nội dung quản lý nhà nước về y tế					
3.2.1	Quan điểm, mục tiêu và các chương trình trọng điểm chăm sóc sức khỏe nhân dân của Đảng và Nhà nước ta					
3.2.2	Nội dung chủ yếu quản lý nhà nước về sự nghiệp y tế chăm sóc sức khỏe nhân dân					
3.3	Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về y tế					
3.4	Các chỉ tiêu chủ yếu dùng để đánh giá hoạt động y tế					
3.4.1	Tuổi thọ bình quân					

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CDR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
3.4.2	Các tỷ suất chết					
3.4.3	Tỷ lệ mắc bệnh					
3.4.4	Số bác sĩ					
3.4.5	Số giường bệnh					
3.4.6	Tỷ lệ suy dinh dưỡng người lớn					

Ghi chú:

(2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục.

(3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương;

(4) Liệt kê các CDR của học phần (ghi kí hiệu CLO) liên quan.

(5) PP giảng dạy: Nêu PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR;

(6) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, tìm trang thứ mấy, làm việc nhóm để giải quyết bài tập, làm dự án ...); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm bài tập thường xuyên số....

(7): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (kí hiệu A.x.x).

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
	Giáo trình chính			
1	Học viên hành chính	2009	Giáo trình Quản lý nhà nước về văn hóa, giáo dục, y tế,	NXB Khoa học và Kỹ thuật
2				
	Sách, giáo trình tham khảo			
1	Nguyễn Minh Phương	2012	Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, y tế ở Việt Nam	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội
2	Lê Thanh Bình	2009	Một số vấn đề về quản lý nhà nước về kinh tế, văn hóa, giáo dục trên thế giới và Việt Na	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội

3	Nguyễn Minh Phương	2013	Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, y tế ở Việt Nam	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội
4	Nguyễn Duy Bắc	2002	Văn hóa giáo dục Việt Nam thời kỳ đổi mới	NXB Thời Đại,

Bảng 6. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Chuyên đề 13: Kỹ năng giám sát quản lý nhà nước về văn hóa, giáo dục, y tế ở cấp huyện, cấp xã	https://phutho.gov.vn/vi/chuyen-de-13-ky-nang-giam-sat-quan-ly-nha-nuoc-ve-van-hoa-giao-duc-y-te-o-cap-huyen-cap-xa	Năm 2021
2	Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững	https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/815203/doi-moi%2C-nang-cao-hieu-luc%2C-hieu-qua-quan-ly-nha-nuoc-ve-van-hoa-dap-ung-yeu-cau-phat-trien-ben-vung.aspx	Năm 2019

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 7. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy học phần

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	

1	Giảng đường nhà B	- Máy tính, máy chiếu, phần mềm đào tạo trực tuyến (LMS) phần mềm họp trực tuyến Zoom, Microsoft Team.... - Mạng internet, wifi	01	Chương 1, 2, 3,
---	-------------------	--	----	-----------------

9. Các Rubric đánh giá kết quả học tập

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không học đi (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%)	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

Rubric 2: Thuyết trình (Oral Presentation)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video và giải thích cụ thể hiểu biết trên video.	50 %
Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (introduction, body and	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành	25 %

		ràng	conclusion)		thạo trong trình bày và ngôn ngữ.	
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ. Người nghe không hiểu.	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày.	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe. Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định.	25%

Rubric 3: Làm việc nhóm (Teamwork Assessment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Tổ chức nhóm	Không có sự làm việc nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ công việc của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể.	Mỗi thành viên có nhiệm vụ công việc riêng nhưng không rõ ràng và không phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ công việc rõ ràng và phù hợp với khả năng của mỗi thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ công việc của mỗi thành viên rõ ràng, cụ thể, phù hợp. Phát huy thế mạnh của các thành viên trong nhóm. Tương tác, phối hợp tốt giữa các thành viên.	30%
Tham gia làm việc nhóm (chuyên cần)	< 30%	<50%	<70%	<90%	100% (Tham gia đầy đủ các buổi họp, thảo luận của nhóm)	20%

Thảo luận	Không bao giờ tham gia vào việc thảo luận của nhóm.	Hiếm khi tham gia vào thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay.	Luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay, hiệu quả cho các hoạt động của nhóm.	30%
Phối hợp nhóm	Không bao giờ phối hợp, hợp tác với nhóm.	Hiếm khi hợp tác, phối hợp làm việc nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thỉnh thoảng tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thường xuyên tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Luôn luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	20%

Rubric 4: Bài tập (Work Assignment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập.	Nộp 70% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lý luận, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp.	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lý luận, bảng biểu sử dụng trong bài tập phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú)	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Lập luận sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), lập luận logic sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	30%

Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Lập luận đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Lập luận chứng cứ logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%
------------------	------------------	---	---	--	--	-----

Hải Dương, ngày... tháng... năm.....

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

